

**CÔNG TY CỔ PHẦN DEPOCKET LABS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DEPOCKET LABS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DEPOCKET LABS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DEPOCKET LABS., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110030631

**3. Ngày thành lập:** 15/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, số 9, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0339.639.540

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4649     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4651     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Dạy đọc nhanh;</li> <li>- Đào tạo về sự sống;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> <li>- Đào tạo tin học (theo quy định tại Điều 47, Điều 48 của Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và Khoản 20 và Khoản 21 của Điều 1 Nghị định 135/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục).</li> </ul> | 8559 |
| 6.  | <p>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</p> <p>Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục (không bao gồm hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8560 |
| 7.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9511 |
| 8.  | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9512 |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9521 |
| 10. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9522 |
| 11. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6201 |
| 12. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6202 |
| 13. | <p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6209 |
| 14. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6311 |
| 15. | <p>Cổng thông tin</p> <p>(Trừ hoạt động báo chí, đấu giá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6312 |
| 16. | <p>Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (không bao gồm hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6399 |
| 17. | <p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6619 |
| 18. | <p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <p>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7020 |
| 19. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7120 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên<br>(trừ các hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                        | 7211        |
| 21. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ<br>(trừ các hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                           | 7212        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm các hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                  | 7320        |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                               | 7410        |
| 24. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4690        |
| 25. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2610        |
| 26. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2620        |
| 27. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4783        |
| 28. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5820(Chính) |
| 29. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: hoạt động sản xuất phim điện ảnh; hoạt động sản xuất phim video (trừ các hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật).                                                                                                                                 | 5911        |
| 30. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet; Đại lý dịch vụ viễn thông (trừ các hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật).                                                                                                                                                                            | 6190        |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển. | 7730        |
| 32. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi<br>(trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội; loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                 | 3240        |
| 33. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3312        |

|     |                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                 | 3314 |
| 35. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                | 3320 |
| 36. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |
| 37. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742 |
| 38. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                             | 4763 |
| 39. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                                  | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ VĂN HOÀNG | Lô số 48, tập thể bệnh viện y học cổ truyền Bộ Công an, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 45.000     | 450.000.000           | 45,000    | 0450880000<br>61                                                                            |         |
|     |              |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                                         | Tổng số                   | 45.000     | 450.000.000           | 45,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                      |                           |        |             |        |              |
|---|-----------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 2 | PHÙNG CHÍ HƯỚNG | Thôn Bùng, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 5.000  | 50.000.000  | 5,000  | 001088033004 |
|   |                 |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                      | Tổng số                   | 5.000  | 50.000.000  | 5,000  |              |
|   |                 |                                                                      |                           |        |             |        |              |
| 3 | HOÀNG ANH TUẤN  | Thôn Đông, Xã Tam Giang, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 50,000 | C6879847     |
|   |                 |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                      | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 50,000 |              |
|   |                 |                                                                      |                           |        |             |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/08/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C6879847

Ngày cấp: 04/03/2019

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đông, Xã Tam Giang, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đông, Xã Tam Giang, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội